

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT THEO YÊU CẦU TẠI BỆNH VIỆN NHI HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-BVNNH ngày tháng 04 năm 2026 của Bệnh viện Nhi Hà Nội về việc ban hành giá dịch vụ theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Nhi Hà Nội)

ĐVT: đồng								
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Giá BHYT theo NQ91/2026	Chênh lệch giá DV-giá BHYT theo NQ91/2026	Ghi chú
1	Tiêm nội sọ, nội thương tủy	Lần	Bán lẻ	450,000	22/04/2026		450,000	Chưa bao gồm thuốc
2	Measles virus Ab miễn dịch bán tự động [IgG]	Lần	Bán lẻ	317,000	22/04/2026	270,800	46,200	
3	Mycoplasma pneumoniae Ab miễn dịch bán tự động [Mycoplasma pneumoniae IgM]	Lần	Bán lẻ	267,000	22/04/2026	182,700	84,300	
4	Mycoplasma pneumoniae Ab miễn dịch bán tự động [Mycoplasma pneumoniae IgG]	Lần	Bán lẻ	375,000	22/04/2026	273,000	102,000	
5	Kháng thể kháng dsDNA (anti-dsDNA) bằng kỹ thuật ELISA	Lần	Bán lẻ	415,000	22/04/2026	272,900	142,100	
6	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	Bán lẻ	392,000	22/04/2026	321,000	71,000	
7	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	Bán lẻ	390,000	22/04/2026	321,000	69,000	
8	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	Bán lẻ	386,000	22/04/2026	194,700	191,300	
9	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	Bán lẻ	390,000	22/04/2026	321,000	69,000	
10	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	Bán lẻ	390,000	22/04/2026	321,000	69,000	
11	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	Bán lẻ	388,000	22/04/2026	321,000	67,000	
12	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	Bán lẻ	390,000	22/04/2026	321,000	69,000	
13	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	Bán lẻ	390,000	22/04/2026	321,000	69,000	
14	Vi nấm Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	1,459,000	22/04/2026	771,700	687,300	
15	Vi khuẩn Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	1,459,000	22/04/2026	771,700	687,300	
16	Influenza virus A, B Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	1,964,000	22/04/2026	1,601,700	362,300	
17	Adenovirus Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	1,028,800	22/04/2026	771,700	257,100	
18	Enterovirus Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	904,000	22/04/2026	771,700	132,300	
19	EBV Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	1,026,000	22/04/2026	771,700	254,300	
20	HSV Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	1,162,400	22/04/2026	771,700	390,700	
21	CMV Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	1,056,900	22/04/2026	771,700	285,200	
22	HBV đo tải lượng Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	849,000	22/04/2026	701,700	147,300	
23	Virus Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	1,459,000	22/04/2026	771,700	687,300	
24	Mycoplasma pneumoniae Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	1,024,000	22/04/2026	771,700	252,300	
25	Mycobacterium tuberculosis Real-time PCR	Lần	Bán lẻ	525,000	22/04/2026	391,500	133,500	
26	Vi khuẩn định danh PCR	Lần	Bán lẻ	904,000	22/04/2026	771,700	132,300	
27	Đo hoạt độ G6PD (Glucose -6 phosphat dehydrogenase) [Máu]	Lần	Bán lẻ	183,000	22/04/2026	87,000	96,000	
28	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin) [Máu]	Lần	Bán lẻ	423,000	22/04/2026	280,500	142,500	
29	Toxoplasma IgM miễn dịch tự động	Lần	Bán lẻ	229,000	22/04/2026	130,500	98,500	
30	Toxoplasma IgG miễn dịch tự động	Lần	Bán lẻ	209,000	22/04/2026	130,500	78,500	
31	Rubella virus IgM miễn dịch tự động	Lần	Bán lẻ	233,000	22/04/2026	156,600	76,400	
32	Rubella virus IgG miễn dịch tự động	Lần	Bán lẻ	206,000	22/04/2026	130,500	75,500	
33	CMV IgM miễn dịch tự động	Lần	Bán lẻ	229,000	22/04/2026	142,500	86,500	
34	CMV IgG miễn dịch tự động	Lần	Bán lẻ	211,000	22/04/2026	123,400	87,600	
35	Vi nấm test nhanh	Lần	Bán lẻ	576,000	22/04/2026	261,000	315,000	
36	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	Lần	Bán lẻ	158,000	22/04/2026	74,600	83,400	
37	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp	Lần	Bán lẻ	599,000	22/04/2026	308,300	290,700	
38	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	Lần	Bán lẻ	599,000	22/04/2026	308,300	290,700	
39	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	Lần	Bán lẻ	599,000	22/04/2026	308,300	290,700	
40	Chọc hút kim nhỏ các hạch	Lần	Bán lẻ	599,000	22/04/2026	308,300	290,700	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Giá BHYT theo NQ91/2026	Chênh lệch giá DV-giá BHYT theo NQ91/2026	Ghi chú
41	Chọc hút kim nhỏ mô mềm	Lần	Bán lẻ	599,000	22/04/2026	308,300	290,700	
42	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	Lần	Bán lẻ	516,000	22/04/2026	190,400	325,600	
43	Tế bào học dịch màng khớp	Lần	Bán lẻ	280,000	22/04/2026	190,400	89,600	
44	Tế bào học dịch rửa phế quản	Lần	Bán lẻ	516,000	22/04/2026	190,400	325,600	
45	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang	Lần	Bán lẻ	516,000	22/04/2026	190,400	325,600	
46	Tế bào học dịch rửa ổ bụng	Lần	Bán lẻ	516,000	22/04/2026	190,400	325,600	
47	Vì sinh vật nhiễm khuẩn hô hấp Real - time PCR đa môi	Lần	Bán lẻ	1,193,100	22/04/2026		1,193,100	
48	Vì sinh vật nhiễm khuẩn đường ruột Real - time PCR đa môi	Lần	Bán lẻ	1,417,100	22/04/2026		1,417,100	
49	Vì sinh vật nhiễm khuẩn não - màng não Real - time PCR đa môi	Lần	Bán lẻ	1,193,100	22/04/2026		1,193,100	
50	Giám đau sau phẫu thuật bằng Morphin tính mạch theo kiểu PCA	Lần	Bán lẻ	2,000,000	22/04/2026		2,000,000	
51	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào thần thần kinh qua catheter [1bên]	Lần	Bán lẻ	2,500,000	22/04/2026		2,500,000	
52	Kỹ thuật giảm đau bằng truyền liên tục thuốc tê vào thần thần kinh qua catheter [2bên]	Lần	Bán lẻ	3,200,000	22/04/2026		3,200,000	
53	Tạo hình hộp sọ trong bệnh lý dính hộp sọ, hẹp hộp sọ	Lần	Bán lẻ	16,500,000	22/04/2026	6,221,700	10,278,300	Chưa bao gồm nẹp, vít thay thế.
54	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh nửa mặt bằng ghép mỡ coleman	Lần	Bán lẻ	12,000,000	22/04/2026	4,630,500	7,369,500	
55	Phẫu thuật chỉnh sửa góc hàm xương hàm dưới	Lần	Bán lẻ	25,000,000	22/04/2026	3,828,100	21,171,900	Chưa bao gồm nẹp, vít thay thế.
56	Phẫu thuật cắt chỉnh cằm	Lần	Bán lẻ	25,000,000	22/04/2026	3,828,100	21,171,900	Chưa bao gồm nẹp, vít thay thế.
57	Phẫu thuật chỉnh sửa thân xương hàm dưới	Lần	Bán lẻ	25,000,000	22/04/2026	3,828,100	21,171,900	Chưa bao gồm nẹp, vít thay thế.
58	Phẫu thuật tạo hình khe hở sọ mặt số 7	Lần	Bán lẻ	12,000,000	22/04/2026	6,221,700	5,778,300	Chưa bao gồm nẹp, vít thay thế.
59	Phẫu thuật kết hợp xương trong chấn thương sọ mặt	Lần	Bán lẻ	14,500,000	22/04/2026	5,657,000	8,843,000	
60	Phẫu thuật lấy sụn vành tai làm vật liệu ghép tự thân	Lần	Bán lẻ	7,000,000	22/04/2026	3,526,900	3,473,100	Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt.
61	Cắt u da vùng mặt, tạo hình	Lần	Bán lẻ	4,500,000	22/04/2026	1,322,100	3,177,900	
62	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi một bên	Lần	Bán lẻ	8,500,000	22/04/2026	2,888,600	5,611,400	
63	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi hai bên	Lần	Bán lẻ	9,500,000	22/04/2026	2,988,600	6,511,400	
64	Cắt các u lành vùng cổ	Lần	Bán lẻ	6,500,000	22/04/2026	2,928,100	3,571,900	
65	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	Lần	Bán lẻ	1,700,000	22/04/2026	194,700	1,505,300	
66	Thay băng [chiều dài ≤ 15cm]	Lần	Bán lẻ	150,000	22/04/2026	64,300	85,700	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.
67	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Lần	Bán lẻ	120,000	22/04/2026	40,300	79,700	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
68	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn	Lần	Bán lẻ	7,800,000	22/04/2026	2,434,500	5,365,500	
69	Tiêm thuốc điều trị u bạch huyết	Lần	Bán lẻ	2,500,000	22/04/2026	869,100	1,630,900	
70	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	Lần	Bán lẻ	5,000,000	22/04/2026	3,340,900	1,659,100	
71	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Lần	Bán lẻ	5,800,000	22/04/2026	2,818,700	2,981,300	
72	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc ruột thừa	Lần	Bán lẻ	6,100,000	22/04/2026	3,136,900	2,963,100	
73	Phẫu thuật nội soi cắt u nang ống mật chủ, nổi ống gan chung – ruột	Lần	Bán lẻ	13,000,000	22/04/2026	5,057,900	7,942,100	
74	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tĩnh	Lần	Bán lẻ	7,500,000	22/04/2026	1,596,600	5,903,400	
75	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ 1 bên một thì	Lần	Bán lẻ	8,500,000	22/04/2026	2,490,900	6,009,100	
76	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	Lần	Bán lẻ	8,200,000	22/04/2026	3,431,900	4,768,100	
77	Nội soi đặt sonde JJ	Lần	Bán lẻ	5,000,000	22/04/2026	1,920,900	3,079,100	Chưa bao gồm sonde JJ.
78	Nội soi tháo sonde JJ	Lần	Bán lẻ	1,900,000	22/04/2026	953,800	946,200	
79	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm ngực	Lần	Bán lẻ	6,500,000	22/04/2026	3,663,800	2,836,200	Chưa bao gồm dao siêu âm.
80	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương (Ngoài giò)	Lần	Bán lẻ	8,000,000	22/04/2026		8,000,000	
81	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên (Ngoài giò)	Lần	Bán lẻ	9,800,000	22/04/2026		9,800,000	Chưa bao gồm tấm màng năng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
82	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn (Ngoài giò)	Lần	Bán lẻ	9,400,000	22/04/2026		9,400,000	Chưa bao gồm thuốc và oxy
83	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng (Ngoài giò)	Lần	Bán lẻ	17,000,000	22/04/2026		17,000,000	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
84	Cắt hẹp bao quy đầu (Ngoài giò)	Lần	Bán lẻ	5,400,000	22/04/2026		5,400,000	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Giá BHYT theo NQ91/2026	Chênh lệch giá DV-giá BHYT theo NQ91/2026	Ghi chú
85	Cắt nang giáp móng (Ngoài giờ)	Lần	Bán lẻ	7,700,000	22/04/2026		7,700,000	

2. Mức giá trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng (Do dịch vụ khám bệnh chữa bệnh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng).